

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT

DV-141/26-XNDV-TTH

Tên gói thầu

Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro

Phát hành ngày

..20.../...01...../2026

Ban hành kèm theo Quyết định

046/TMDV



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần 4. PHỤ LỤC

- Yêu cầu kỹ thuật và Phạm vi công việc
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1 Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm



rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà



	<p>thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai, kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro;</p> <p>đ) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p>



	<p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng</p> <p>Phần 4. Phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (mẫu biểu và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ</p>



	<p>đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT; thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.7 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>



<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p>	<p>Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.</p>
<p>12. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>12.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>12.3. Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định, giá dự thầu không được vượt quá chi phí thực hiện gói thầu quy định tại E-BDL.</p>
<p>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p>



	<p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
18. Mở E-HSĐXKT	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại</p>



	<p>việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSĐT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời



	<p>gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên form mẫu và trong tài liệu đính kèm. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.
<p>20. Mở E-HSĐXTC</p>	<p>20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thông báo mời thầu; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở hồ sơ đề xuất về tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC;



	- Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>21.3. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm</p>



	<p>việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại E-BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian – (Không áp dụng)</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt về số lượng, khối lượng của từng nội dung thuộc chi phí khác cho chuyên gia nêu tại Mẫu số 13 Chương IV so với nội dung tương ứng thuộc đề xuất kỹ thuật thì số lượng, khối lượng thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc hiệu chỉnh sai lệch.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu – (Không áp dụng)</p>	<p>25.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi:</p> <p>Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>25.2. Cách tính ưu đãi:</p> <p>Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>25.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định</p>



	<p>được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>26.4. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSĐT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT; b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;



	<p>b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;</p> <p>c) Tiến độ;</p> <p>d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);</p> <p>đ) Bố trí điều kiện làm việc;</p> <p>e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.</p> <p>27.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p>



	<p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>28.5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư. c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu;



	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>32.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>32.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu Bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>32.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p>



	32.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
33. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>33.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
34. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL .



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư là: Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro).
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro.</p> <p>Đơn hàng số: DV-141/26-XNDV-TTH.</p> <p>Tên dự án là: Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro.</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần của gói thầu: Gói thầu không chia phần (trọn gói).</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng là: 2026.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Lô 09-1.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Địa chỉ chủ đầu tư: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.- Bên mời thầu: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. Địa chỉ bên mời thầu: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. <p>Trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: [...] [Chủ đầu tư/Bên mời thầu] , trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)] ;+ Tư vấn thẩm định giá: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];+ Tư vấn lập, thẩm định HSMT: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];



	<p>+ Tư vấn đánh giá HSĐT: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: [...] [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> <p>"Tỷ lệ sở hữu vốn" = $\sum_{(i=1)}^n \left[\frac{Xi \times Yi}{n} \right]$</p> <p>Trong đó:</p> <p>Xi: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu: 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không



E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành
E-CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 12.3	Chi phí thực hiện gói thầu: 702.000.000 đồng
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: <i>Giá thấp nhất cho cả gói thầu.</i>
E-CDNT 21.3	Xếp hạng nhà thầu: <i>nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất.</i>
E-CDNT 23.5	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 05 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 25.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): không áp dụng.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	Tùy chọn mua thêm: không áp dụng; Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa: 0%.
E-CDNT 32.2	Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 39.2	- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Đỗ Mạnh Hà – Giám đốc Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro); Địa chỉ: 67 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại: 0254 3839871. Ex: 3443; Fax: 0254-3554097. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Không áp dụng.
E-CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Ông Đỗ Mạnh Hà – Giám đốc Xí nghiệp dịch Vụ Cảng và Cung Ứng Vật Tư Thiết Bị (XNDV) thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro); Địa chỉ: 67 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại: 0254 3839871. Ex: 3443; Fax: 0254-3554097.



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(mục này được đánh giá khi mở hồ sơ đề xuất tài chính)

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.
4. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo Tiêu chí đánh giá kỹ thuật quy định tại Phần 4- CÁC PHỤ LỤC.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.1 Đối với phương pháp giá thấp nhất¹ (áp dụng)

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;
- Hiệu chỉnh sai lệch hay sửa lỗi nếu có (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm kỹ thuật cao nhất và có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu tại mục 12.3 E-CDNT được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này



(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ", " (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
E-HSĐXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXKT	Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu			X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			
E-HSĐXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC	Webform và Scan đính kèm lên Hệ thống		X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia	Scan đính kèm lên Hệ thống		Không áp dụng
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			Không áp dụng



14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			Không áp dụng
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Tổng hợp chi phí			Không áp dụng



HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ ^(*)	ĐVT	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro	Gói	01

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): Tham chiếu theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Đại diện nhà thầu

(ký tên, đóng dấu)



ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(trích xuất từ hệ thống)
(thuộc E-HSDXKT)



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày __ tháng __ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ ² _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2013 của Quốc hội];

Căn cứ ³ _____ [Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày __ tháng __ năm __ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số __ ngày __ tháng __ năm __ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;



- Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁴:

[- *Ký đơn dự thầu;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT, sửa đổi, thay thế E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;*
- *Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây⁵:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh)	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ/USD

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:



-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

²Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

³Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

⁴Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

⁵Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.



**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM
CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN**

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).



**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

Đại diện nhà thầu
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên



**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên



LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.



TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							Tổng
		1	2	3	4	5	n	
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên



DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh, bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹		Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	
I	Nhân sự chủ chốt³							
1	Nguyễn Văn A		[Theo vị trí nêu tại Biểu 3 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]]	[Công ty] [Thực địa]			
2				[Công ty] [Thực địa]			
	Số công nhân sự chủ chốt							
II	Nhân sự khác							
1			[Nhà thầu điếm]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]]	[Công ty] [Thực địa]			
2				[Công ty] [Thực địa]			
	Số công nhân sự khác							

Ghi chú:



- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc theo Mẫu số 08.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾ (không áp dụng)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT.

Đại diện nhà thầu

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên



Mẫu số 11 (Theo Webform và scan đính kèm trên hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)



THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*) (không áp dụng)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
2		Thực địa	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]	(b)	
II	Nhân sự khác						
1	[Theo Mẫu số 09]	[Theo Mẫu số 09]	Công ty	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
2		Thực địa	[Từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Theo Mẫu số 09]		
Tổng cộng							(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.

- (1), (2), (5): Từ Mẫu số 09.

- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để có thông tin vào cột này.

- Cột (6) (7): Nhà thầu tự tính

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 12A (Scan đính kèm trên Hệ thống)
BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (không áp dụng)

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ³ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Công (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Nguyễn Văn A	Công ty								
		Thực địa								
		Công ty								
		Thực địa								
...										

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

³ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...



CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYẾN GIA (không áp dụng).

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1					
2					
Cộng giá dự thầu					
Thuế GTGT					
Tổng cộng (Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí).					

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ (không áp dụng)

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Mục A, B, M: Từ Mẫu 12, 13, 14

Tổng Chi phí: Bằng giá dự thầu trong đơn đề xuất về tài chính



**PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Người thực hiện chọn biểu mẫu hợp đồng phù hợp từ kho dữ liệu của VSP)

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...*
- Giá giá trị trúng thầu: ...*
- Thời gian thực hiện hợp đồng: ...*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số:/26/VSP-05/XNDV-.....

(Đơn hàng số DV-141/26-XNDV-TTH)

*Về việc “**Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro**”.*

Hà Chí Minh, ngày _____ tháng _____ năm 2026

Theo nhu cầu của Xí nghiệp Dịch vụ Cảng và Cung ứng vật tư thiết bị thuộc LD Việt - Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp dịch vụ “**Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro**” của Công ty

Bên A: LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO

Địa chỉ : 1105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 0254-3839871 Fax: 0254-3839857
Mã số thuế : 3500102414
Tài khoản số : 0081000003080
Tại Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu
Do Ông : **Đỗ Mạnh Hà** – Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Cảng và Cung ứng vật tư thiết bị (XNDV) thuộc LD Việt - Nga Vietsovpetro làm đại diện theo Giấy ủy quyền số: 120/UQ-PL ngày 06/01/2026.

BÊN B:

Địa chỉ :
Điện thoại :
Mã số thuế :
Tài khoản số :
Tại Ngân hàng :
Do Ông : – Chức vụ: làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này với các điều khoản như sau:



ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ trọn gói “**Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro**” (sau đây gọi tắt là “**công việc**” hoặc “**dịch vụ**”) cho Bên A phù hợp với Phụ lục số 01 và số 02 đính kèm, là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- 1.2 Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.
- 1.3 Tổng giá trị của hợp đồng bao gồm thuế GTGT ___%: đồng.
(Bảng chữ:), trong đó:
 - Giá trị dịch vụ : đồng.
 - Thuế GTGT : đồng.
- 1.4 Tổng giá trị nói trên là cố định và không thay đổi trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực và bao gồm toàn bộ các chi phí và các loại thuế liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này.
- 1.5 Thuế GTGT có thể được điều chỉnh tại thời điểm phát hóa đơn theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 1.6 Địa điểm thực hiện dịch vụ: Tại cầu cảng số 1 và số 2 thuộc bến cảng Vietsovpetro, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CỦA BÊN B

- 2.1. Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được các yêu cầu của Bên A, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành khác.
- 2.2. Báo cáo phải đáp ứng nội dung, yêu cầu, các trình bày và số lượng được quy định tại Phụ lục số 02 – Yêu cầu kỹ thuật và phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và phê duyệt.
- 2.3. Báo cáo phải được hai Bên tiến hành nghiệm thu phù hợp quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tiến độ thực hiện: **90 (chín mươi) ngày lịch** kể từ ngày ký Hợp đồng và Bên B nhận được đầy đủ Tài liệu kỹ thuật từ Bên A, cho đến khi Hồ sơ “**Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 bến cảng Vietsovpetro**” được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công bố (không bao gồm ngày trình cơ quan thẩm duyệt).

ĐIỀU 4: TỔ CHỨC, PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

- 4.1. Để triển khai các nội dung công việc theo Hợp đồng này, Bên B trực tiếp và có trách nhiệm thực hiện Công việc theo đúng Yêu cầu kỹ thuật nêu tại Phụ lục số 02 của Hợp đồng.
- 4.2. Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng, hai Bên sẽ cùng nhau thống nhất, hoàn thiện danh mục các tài liệu kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “**Tài liệu kỹ thuật**”) mà Bên A cần gửi cho Bên B để thực hiện.



- 4.3. Sau khi nhận được tài liệu do Bên A gửi, Bên B có trách nhiệm xem xét, đánh giá và gửi ý kiến phản hồi trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận. Trong trường hợp số lượng tài liệu cho một đợt chuyển giao lớn thì Bên B sẽ gửi thông báo để xin kéo dài thời gian xem xét và gửi ý kiến phản hồi. Trong tình huống Bên A yêu cầu xem xét đánh giá tài liệu gấp, Bên B sẽ phối hợp với Bên A để thực hiện việc xem xét đánh giá trong thời gian sớm nhất có thể để đáp ứng yêu cầu tiến độ thực tế của Bên A.
- 4.4. Bên A cần hoàn thiện tài liệu trước khi gửi cho Bên B để xem xét đánh giá nhằm hạn chế việc phải chỉnh sửa tài liệu nhiều lần. Sau khi có ý kiến phản hồi của Bên B, Bên A cần chỉnh sửa tài liệu theo ý kiến đó trước khi gửi lại cho Bên B để đánh giá (có đánh dấu các vị trí chỉnh sửa để Bên B dễ dàng kiểm tra và đánh giá). Trong trường hợp hai Bên có ý kiến khác nhau về việc chỉnh sửa tài liệu kỹ thuật thì hai Bên cần trao đổi để đi đến thống nhất trước khi gửi lại tài liệu cho Bên B để đánh giá.
- 4.5. Để kịp thời đáp ứng được yêu cầu của Công việc trong quá trình thực hiện, hai Bên có thể gửi văn bản cho nhau đề xuất hình thức phối hợp mới và được Bên kia chấp thuận để phối hợp thực hiện Công việc được nhanh chóng và hợp lý, đáp ứng yêu cầu tiến độ công việc.

ĐIỀU 5: QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU KỸ THUẬT

- 5.1. Bên A cam kết là chủ sở hữu duy nhất và có đầy đủ quyền tài sản và quyền nhân thân đối với các Tài liệu kỹ thuật.
- 5.2. Bên B được toàn quyền quyết định trong việc sử dụng và khai thác các Tài liệu kỹ thuật nhằm mục đích thực hiện Công việc theo quy định tại Hợp đồng này.
- 5.3. Bên B chịu trách nhiệm về bản quyền các phần mềm sử dụng trong Tài liệu kỹ thuật.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

- 6.1. Mỗi Bên chịu trách nhiệm thực hiện phần việc của mình theo chức năng để hoàn thành công việc của Hợp đồng phù hợp với các tiêu chuẩn nhà nước, quy định hiện hành.
- 6.2. Bên A có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật của Bên B trong quá trình thực hiện công việc tại cơ sở của Bên A.
- 6.3. Bên B có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng và làm việc với các cơ quan chức năng để trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo Yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Hợp đồng này.
- 6.4. Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp cho cán bộ của mình khi thực hiện công việc tại Bên A phù hợp với quy định của nhà nước.
- 6.5. Mỗi Bên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu các chế tài theo quy định tại Hợp đồng này đối với các tổn thất do mình gây ra cho Bên còn lại trong quá



trình thực hiện Hợp đồng do vi phạm Hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng.

ĐIỀU 7: GIÁM SÁT VÀ NGHIỆM THU CÔNG VIỆC

- 7.1. Liên quan công tác hoàn thiện hồ sơ, tài liệu cho dự án, Bên A (ủy quyền cho Cảng biển) là đơn vị đầu mối để cung cấp và phối hợp thực hiện công việc với Bên B.
- 7.2. Đối với các công tác giám sát trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A (ủy quyền cho Cảng biển) là đơn vị đầu mối để giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 7.3. Hai Bên sẽ phối hợp thực hiện công việc của Hợp đồng phù hợp với tiến độ dự án. Sau khi Bên B hoàn thành nội dung công việc, hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản xác nhận hoàn thành công việc (theo mẫu nêu tại Phụ lục số 03 của Hợp đồng).
- 7.4. Hai Bên cam kết phối hợp thực hiện công việc để việc nghiệm thu công việc hoàn thành đáp ứng được tiến độ dự án.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

8.1 Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị Hợp đồng trong 30 ngày làm việc bằng chuyển khoản qua Ngân hàng kể từ ngày nhận được các chứng từ bản gốc sau:

- Giấy đề nghị thanh toán- 01 bản gốc;
- Hóa đơn GTGT - bản thể hiện của hóa đơn điện tử;
- Hồ sơ khảo sát hiện trạng các cầu cảng số 1 và số 2 – 06 bộ gốc.
- Báo cáo kết quả kiểm định đánh giá khả năng các cầu cảng số 1, số 2 thuộc Bến cảng Vietsovpetro tiếp nhận tàu trọng tải đến 15.000 DWT giảm tải- 06 bộ gốc.
- Hồ sơ kiểm toán khả năng tiếp nhận tàu trọng tải đến 15.000 DWT giảm tải với các nội dung chính – 06 bộ gốc
- Hồ sơ “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro” – 06 bộ gốc.
- File điện tử báo cáo, bản vẽ, số liệu thô thu thập tại hiện trường bao gồm định dạng file gốc (Word, Excel, AutoCad...) và bản scan file các báo, file hồ sơ nghiệm thu có đầy đủ chữ ký của nhà thầu và Vietsovpetro – 02 bộ.

- 8.2 Số tài khoản giao dịch theo Hợp đồng này của Bên B được ghi tại trang 1 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG (Không áp dụng)

- 9.1. Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau ngày ký Hợp đồng (ghi tại trang 01 của Hợp đồng), Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện Hợp đồng bằng 3% tổng giá trị Hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện công việc quy định tại Điều 3 Hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 9.2. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do



Bên B chịu.

- 9.3. Trong thời gian quy định tại mục 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời gian quy định nói trên, Bên A không nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản thông báo trước ít nhất 10 (mười) ngày làm việc và thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu của Bên B.
- 9.4. Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.
- 9.5. Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 9.6. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm thực hiện công việc hoặc gia hạn thời hạn thực hiện công việc, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực.

ĐIỀU 10: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

- 10.1. Bên B phải tuân thủ các nguyên tắc kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường của Bên A trong quá trình thực hiện Công việc.
- 10.2. Bên B phải tuân thủ và thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ tại cơ sở của Bên A trong quá trình thực hiện Công việc.
- 10.3. Bên B phải chịu trách nhiệm về an toàn lao động, bảo hiểm và giải quyết tai nạn cho cán bộ của mình trong thời gian thực hiện công việc. Bên B phải chịu trách nhiệm an toàn cho người và tài sản cho cán bộ của mình trong thời gian thực hiện công việc.

ĐIỀU 11: BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất), dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.....
- 11.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm hợp đồng.
- 11.3. Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 11.4. Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một bên thực hiện toàn



bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.

- 11.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 11.6. Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.

ĐIỀU 12: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 12.1 Nếu Bên B chậm bắt đầu dịch vụ hoặc thực hiện dịch vụ không đúng hạn như quy định ở Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt 0.2 %/ ngày giá trị của Hợp đồng cho 10 (mười) ngày lịch đầu tiên; chịu 0.3 % / ngày cho những ngày lịch tiếp theo cho đến lúc tổng số các lần phạt không quá 8% (tám phần trăm) giá trị Hợp đồng.
- 12.2 Nếu Bên B không thực hiện dịch vụ như quy định trong Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 8% giá trị của hợp đồng.
- 12.3 Nếu Bên B thực hiện dịch vụ không đúng yêu cầu như quy định trong hợp đồng này thì ngoài việc Bên A có quyền từ chối nghiệm thu công việc, Bên B phải chịu phạt theo mức phạt không thực hiện dịch vụ như quy định tại Khoản 12.2 Điều 12 của Hợp đồng này.
- 12.4 Trong trường hợp nếu Bên B:
 - + Chậm bắt đầu thực hiện công việc hơn 02 tuần so với ngày ghi ở Điều 3 của Hợp đồng này;
 - + Chậm hoàn thành thực hiện công việc trên 01 tháng so với thời gian ghi nhận ở Điều 3 của Hợp đồng này.

Khi đó Bên A có quyền huỷ Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt vi phạm với mức 8% tổng giá trị của Hợp đồng. Trong trường hợp này các khoản tiền phạt vi phạm ghi ở Điều 12.1 sẽ không áp dụng.

- 12.5 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: (1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; (2) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 12.6 Trường hợp sau đây Bên A không được phạt chậm:
 - + Bất khả kháng theo quy định tại Điều 11
 - + Bất kỳ sự chậm trễ nào được chấp thuận bởi Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
 - + Trong khi thực hiện công việc bất cứ thời gian chậm trễ được ghi nhận bằng văn bản do chờ Bên A cung cấp tài liệu liên quan cần thiết cho công việc.



- 12.7 Giá trị Hợp đồng bị vi phạm ghi ở Điều 12 của Hợp đồng này là giá trị không có thuế GTGT.
- 12.8 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 13: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 13.1. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này. Thời hạn của Hợp đồng có thể được gia hạn thêm nếu hai Bên đồng ý bằng văn bản.
- 13.2. Phụ thuộc vào các quy định tại Điều 13.3 dưới đây, không bên nào có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 13.3. Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng:
- Bằng văn bản thông báo trước ít nhất 10 (mười) ngày làm việc, Bên A có thể tạm ngừng các hoạt động của Bên B liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này tại bất cứ thời điểm nào nếu Bên A phát hiện ra Bên B có lỗi gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc.
 - Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu Bên B gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc và trong trường hợp Bên B có lỗi nhưng không khắc phục các lỗi đó theo yêu cầu của Bên A trong vòng bốn (04) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A.
 - Trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, Bên B có quyền đề nghị Bên A thanh toán theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng đối với phần công việc đã được Bên B thực hiện và Bên A chấp nhận cho tới thời điểm chấm dứt.

ĐIỀU 14: TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 14.1. Phụ thuộc vào các quy định tại Điều 14.2 dưới đây, không bên nào có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 14.2. Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng:
- 14.2.1 Bên A có thể tạm ngừng các hoạt động của Bên B liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này tại bất cứ thời điểm nào nếu Bên A phát hiện ra Bên B có lỗi gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc.
- 14.2.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu Bên B gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc và trong trường hợp Bên B có lỗi nhưng không khắc phục các lỗi đó theo yêu cầu của Bên A trong vòng 04 tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A.
- 14.2.3 Trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, Bên B có quyền đề nghị Bên A thanh toán theo quy định tại Điều 8 đối với phần công việc đã được Bên B thực hiện và Bên A chấp nhận cho tới thời điểm chấm dứt.

ĐIỀU 15: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP



- 15.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 15.2. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên thống nhất tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 16: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 16.1. Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 16.2. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên hoặc bằng văn thư có sự đồng thuận của cả hai bên.
- 16.3. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên ghi trong hợp đồng.
- Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.
- 16.4. Hợp đồng, tài liệu dẫn chiếu và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
- (1) Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục hợp đồng);
 - (2) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
 - (3) Thư thông báo trúng thầu;
 - (4) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - (5) Hồ sơ dự thầu của Bên B;
 - (6) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu;
- 16.5. Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 16.6. Hợp đồng gồm trang và 04 Phụ lục, được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo hợp đồng số ____/26/VSP-05/XNDV-.....

ký ngày ____ tháng ____ năm ____)

• Phụ lục số 01a – Phạm vi công việc

STT	Mô tả hạng mục công việc	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro	Gói	01		
Cộng giá trị trước thuế GTGT					
Thuế GTGT (8%)					
Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT					

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B



Phụ lục số 02
YÊU CẦU KỸ THUẬT



PHỤ LỤC SỐ 3

BIÊN BẢN XÁC NHẬN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo XNDV

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Nhà thầu

_____” _____”

_____” _____”

BIÊN BẢN XÁC NHẬN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Theo hợp đồng số:
về việc:

Đại diện Các Bên gồm:

Bên A: Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro (đại diện: Xí nghiệp Dịch vụ Cảng & CƯVTTB - XNDV)

Địa chỉ: 67 đường 30/4, P. Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0254 3839871 Fax 0254 3839857

Bên B: Nhà thầu

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hai Bên thống nhất và xác nhận như sau:

Ngày, XNDV vụ đã giao được liệt kê trong “Biên bản bàn giao tài liệu” theo hợp đồng số ký ngày, về việc **“Tur vận lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovetro”**. Nhà thầu bắt đầu triển khai thực hiện dịch vụ trên kể từ ngày theo quy định của Hợp đồng cụ thể như sau:

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng là __ tháng kể từ ngày hai Bên ký biên bản bắt đầu thực hiện công việc cho tới ngày hai Bên ký Biên bản giao nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc.

2. Bên B có nghĩa vụ báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng __ tuần/ lần với bên A.

XNDV có trách nhiệm chuyển giao cho Nhà thầu..... các tài liệu có liên quan để nhà thầu thực hiện hợp đồng hiệu quả nhất.

XNDV và Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các điều khoản trong hợp đồng số ký ngày

Ngày lập Biên bản:

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện XNDV

Đại diện Nhà thầu

PHỤ LỤC SỐ 4

MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TOÀN BỘ CÔNG VIỆC

PHÊ DUYỆT

Lãnh đạo XNDV

_____” _____”20...

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TOÀN BỘ CÔNG VIỆC

Hợp đồng số :

Bên A : Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro (đại diện: XNDV):

Địa chỉ: Tel Fax

Bên B:

Địa chỉ: Tel Fax

Trên cơ sở Hợp đồng số _____ ký ngày....., đại diện hai bên xác nhận như sau:

1. Bên B đã hoàn thành xong công việc **“Tur vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”** phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng.
2. Bên B đã giao và Bên A đã nhận đầy đủ tài liệu theo yêu cầu và chấp nhận kết quả công việc mà Bên B đã thực hiện phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng.
3. Các báo cáo này đã được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định của Việt Nam.

Ngày lập Biên bản:/..../....

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



PHẠM VI CÔNG VIỆC

STT	Mô tả hạng mục công việc	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro	Gói	01		
Cộng giá trị trước thuế GTGT					
Thuế GTGT (.....%)					
Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT					



YÊU CẦU KỸ THUẬT

Gói thầu “**Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro**”

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về gói thầu:

1.1. Tên gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro;

1.2. Chủ đầu tư: Xí nghiệp dịch vụ cảng và cung ứng vật tư thiết bị - Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro;

1.3. Địa điểm thực hiện: Cầu cảng số 1, số 2 thuộc Bến Cảng Vietsovpetro, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.4. Hiện trạng cầu cảng:

- Cầu cảng số 1, số 2 là cầu cảng có kết cấu dạng liên bờ, là 2 trong tổng số 10 cầu cảng Bến cảng Vietsovpetro được đưa vào khai thác theo Quyết định số 706/QĐ-PC ngày 14/04/1987 của Bộ Giao thông vận tải, bến cảng được đổi tên lại tại Quyết định số 130/QĐ-CHHVN ngày 29/01/2021.

a) Quy mô cầu cảng:

Cầu cảng số 1, số 2 là bến liên bờ, kết cấu dạng cừ trước cầu sau. Quy mô bến như sau:

- Tổng chiều dài cầu cảng : 296m;
- Chiều rộng cầu cảng (phần bản BTCT) : 19,1m;
- Cao trình mặt bến thiết kế : + 2,8 hệ Nhà nước;
- Cao độ đáy bến thiết kế : - 6,1m (Hải đồ);
- Cao độ đáy bến tính toán : -7,0m (Hải đồ);

b) Kết cấu cầu cảng:

Kết cấu cầu cảng được thiết kế dạng cừ trước, cầu sau, theo phương dọc chia làm các phân đoạn. Kết cấu cụ thể như sau:

- Hệ cừ thép Larsen V có chiều dài 22,5m được đóng liên tục ở tuyến mép bên để giữ đất cát trong gầm bến, chiều rộng cừ 600mm (khoảng cách giữa 2 tim móc khóa của cừ), chiều cao 230mm (khoảng cách từ tim móc khóa đến mép ngoài của bụng cừ, chiều cao cừ bằng 1/2 tuyến cừ thép). Đầu cọc cừ được liên kết bằng dầm mũ bê tông cốt thép rộng 1,08m và cao 5,34m đổ liền khối với bản mặt cầu để tạo thành bản để liên kết các đệm va;

- Nền cọc bằng bê tông cốt thép tiết diện 40x40cm, dài 20m. Theo phương ngang cầu cảng (mặt cắt ngang cầu cảng) có 5 hàng cọc chụm đôi được đóng xiên 20:1, khoảng cách giữa các hàng cọc và từ hàng cọc ngoài cùng ra đến mép bản mặt cầu theo hướng từ vùng nước vào lần lượt là (4,1+4x3,5+1,0)m. Theo phương dọc cầu cảng, các hàng cọc đóng cách nhau 4m, các hàng cọc ngoài cùng đóng cách mép khe phân đoạn 1,0m;

- Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép không có dầm, đổ tại chỗ trên nền cọc bê tông cốt thép và cọc cừ larsen, chiều rộng 19,1m, dày 80cm, lớp phủ mặt cầu dày 10cm. Mép cầu cảng bố trí hào công nghệ và hệ thống bích neo tàu;

- Gầm bến được đổ đầy cát hạt nhỏ từ mặt đất tự nhiên đến cao độ đáy bản mặt bến;
- Đệm va: Cầu cảng sử dụng đệm va ống cao su D1000 chiều dài 1m, mỗi vị trí treo 2 đệm nằm ngang, khoảng cách giữa 2 tầng đệm trung bình 1,5 - 2m;
- Bích neo sử dụng loại bích neo định hình gang đúc và bích neo vỏ tôn đường kính



40cm, chiều cao 50cm, số lượng 14 bích neo các loại;

- Khu vực gia cường bến tại đường trượt số 1 (cầu cảng số 2): Phần bến cảng gia cường có chiều rộng 20m, chiều dài 35,2m và 42,5m. Kết cấu phần gia cường dạng đài cứng BTCT trên nền cọc khoan nhồi BTCT đường kính D1200 (khoan mới). Phần đài móng có chiều dày thay đổi gồm các loại 3,5m; 4,8m và 5,24m; chiều rộng đài móng 20m, chiều dài 35,2m và 42,5m;

- Khu vực gia cường bến tại đường trượt số 2 (cầu cảng số 1): Phần bến cảng gia cường có chiều rộng 20,44m, chiều dài 31m. Kết cấu phần gia cường dạng đài cứng BTCT trên nền cọc khoan nhồi BTCT đường kính D1200 (khoan mới). Phần đài móng có chiều dày thay đổi gồm các loại 3,5m và 5,24m; chiều rộng đài móng 20,44m, chiều dài 31m.

c) Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: công trình giao thông (công trình hàng hải);
- Cấp công trình: Cấp III;

2. Mục tiêu đầu tư:

- Để Bến cảng Vietsovpetro đủ điều kiện tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố cảng (Theo Quyết định số 130/QĐ-CHHVN ngày 29/01/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc đổi tên Bến cảng Vietsovpetro, Bến cảng Vietsovpetro được tiếp nhận tàu có trọng tải đến 10.000DWT) trước ngày 10/04/2026 theo quy định tại Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải. Cụ thể, Bến cảng Vietsovpetro đủ điều kiện tiếp nhận 2 tàu Hoàng Sa 12.993 DWT và tàu Vietsovpetro-05 14.608 DWT thuộc đội tàu của Vietsovpetro;

- Thời hạn sử dụng dự kiến: Lâu dài.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

- Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực để Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho cầu cảng số 1, số 2 thuộc bến cảng Vietsovpetro để tiếp nhận các tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật tàu biển tại quyết định công bố và thực hiện cung cấp hồ sơ, tài liệu để giải trình cơ quan thẩm định, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, và thủ tục công bố điều chỉnh cho phép cầu cảng tiếp nhận tàu lớn giảm tải theo Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

II. Phạm vi công việc:

1. Nội dung thực hiện:

- Phạm vi công việc của công tác Tư vấn khảo sát, đánh giá kết cấu cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu biển giảm tải đến 15.000 DWT và lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro, đáp ứng quy Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:

a) Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho cầu cảng số 1, số 2 để tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật tàu biển tại quyết định công bố:

- Thu nhập số liệu (tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp và tài liệu do Tư vấn thu nhập);
- Lập Hồ sơ khảo sát hiện trạng các cầu cảng số 1, số 2 (Dựa theo báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình trạng kỹ thuật Bến cảng Vietsovpetro năm 2025 do Chủ đầu tư cung cấp);
- Kiểm tra, kiểm định chất lượng cầu cảng số 1, số 2 phục vụ lập báo cáo đánh giá kết cấu hạ tầng cầu cảng và khả năng đáp ứng kết cấu hạ tầng luồng hàng hải, vùng quay trở tàu, neo đậu tàu;
- Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải;

b) Phối hợp với chủ đầu tư làm các thủ tục trình phê duyệt phương án và các thủ tục khác theo quy định pháp luật. Giải trình với cơ quan thẩm duyệt cho đến khi Phương án đảm bảo an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro được phê duyệt;

- Sau khi phương án đảm bảo an toàn hàng hải được phê duyệt, hỗ trợ chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ về PCCC, bảo vệ môi trường và các hồ sơ liên quan, để thực hiện thủ tục công bố điều chỉnh quy định tại khoản 8 điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, để tiếp nhận tàu biển giảm tải 15.000DWT vào, rời bến cầu cảng.

c) Tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện công việc: Tổng thời gian thực hiện Gói thầu tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến khi Hồ sơ “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro” được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công bố là 90 ngày (không bao gồm những ngày trình cơ quan thẩm duyệt), dự kiến công việc bắt đầu từ đầu tháng 1/2025.

2. Phạm vi công việc chi tiết:

2.1. Lập đề cương nhiệm vụ:

- Trước khi triển khai công việc, Nhà thầu lập tài liệu đề cương nhiệm vụ đối với công tác lập Hồ sơ đề nghị phê duyệt “*Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro*” với các nội dung phù hợp với các quy định tại Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, bao gồm các nội dung chính sau:

- + Mục đích, yêu cầu, đối tượng và nội dung thực hiện gói thầu;
- + Các căn cứ pháp lý;
- + Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng
- + Danh mục các hồ sơ, tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp
- + Kế hoạch thực hiện;
- + Phạm vi và khối lượng công việc thực hiện;
- + Thông tin về năng lực, hồ sơ bằng cấp của chủ nhiệm và cá nhân thực hiện gói thầu;
- + Quy trình, phương pháp thực hiện;
- + Tiến độ chi tiết thực hiện;
- + Và các nội dung cần thiết khác.

2.2. Lập hồ sơ khảo sát hiện trạng các cầu cảng số 1, số 2 (Theo báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình trạng kỹ thuật bến cảng Vietsovpetro năm 2025);

2.3. Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho cầu cảng số 1, số 2 tiếp nhận tàu giảm tải 15.000DWT theo đúng quy định tại điểm b, mục 4, khoản 4, điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP với các nội dung sau:

- (1) Tên bến cảng, cầu cảng;
- (2) Vị trí bến cảng, cầu cảng;
- (3) Thông số kỹ thuật của tàu;
- (4) Đánh giá khả năng đáp ứng của kết cấu hạ tầng luồng hàng hải, vùng quay trở tàu, bến cảng, cầu cảng;
- (5) Điều kiện khai thác;
- (6) Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải;
- (7) Biện pháp ứng phó, xử lý sự cố, tai nạn hàng hải và trách nhiệm các bên liên quan;

2.3.1. Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng cầu cảng, khả năng đáp ứng của luồng hàng hải, khu quay trở, neo đậu tàu, tiếp nhận tàu giảm tải của 02 cầu cảng, bao gồm các nội dung chính sau:



- Đánh giá điều kiện hàng hải:
 - + Khả năng đáp ứng của luồng tàu;
 - + Khả năng đáp ứng của vũng quay tàu;
- Đánh giá khả năng tiếp nhận của cầu cảng:
 - + Kiểm tra chiều dài bến;
 - + Đánh giá chiều sâu nước trước bến;
 - + Đánh giá chiều dài, chiều rộng khu nước trước bến;
 - + Đánh giá hệ thống đê va tàu hiện hữu;
 - + Đánh giá hệ thống bích neo;
- Đánh giá khả năng làm việc của kết cấu - Kiểm định khu neo đỗ, luồng tàu:
 - + Khu neo đỗ, luồng tàu & vùng quay trở tàu biển cập rời tàu;

2.4. Trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ Phương án bảo đảm an toàn hàng hải tới cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận hồ sơ:

STT	Nội dung thực hiện	Thành phần hồ sơ trình	Kết quả
1	Trình hồ sơ lên Cục Hàng Hải và Đường thủy Việt Nam (Cục HH&ĐT VN)	1. Đơn đề nghị; 2. Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng cầu cảng số 1, số 2 ; 3. Hồ sơ phương án bảo đảm an toàn hàng hải ;	
2	Cục HH&ĐT VN lấy ý kiến thẩm định Cục Kinh tế-QLĐTXD/ Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng.	1. Hồ sơ hiện trạng kết cấu hạ tầng cầu cảng số 1, số 2 ; 2. Hồ sơ kiểm toán đánh giá kết cấu hạ tầng bến cảng số 1, số 2; 3. Hồ sơ thẩm tra ; 4. Hồ sơ hoàn công và các Hồ sơ liên quan của cầu cảng số 1, số 2.	Văn bản ý kiến chấp thuận của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư/ Cục kết cấu hạ tầng xây dựng.
3	Cục HH&ĐT VN lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với nội dung Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.	Hồ sơ phương án bảo đảm an toàn hàng hải	Văn bản ý kiến chấp thuận của Cảng vụ hàng hải, bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải.
4	Cục HH&ĐT VN có văn bản báo cáo Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.	Văn bản của Cục Hàng hải	Văn bản chấp thuận chủ trương của Bộ.
5	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải.		Quyết định phê duyệt



6	Hoàn thiện thủ tục Công bố mở cầu cảng cho phép Cầu cảng số 1, số 2 tiếp nhận tàu giảm tải 15.000DWT (Thực hiện theo quy định tại khoản 8, điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP)		
7	Trình hồ sơ Công bố cầu cảng cho phép Cầu cảng số 1, số 2 tiếp nhận tàu giảm tải 15.000DWT (Thực hiện theo quy định tại khoản 8, điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP).		Quyết định công bố

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Tiến độ thực hiện:

a) Thời gian thực hiện công việc: Tổng thời gian thực hiện Gói thầu tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến khi Hồ sơ “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro” được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là 90 ngày, dự kiến công việc bắt đầu từ đầu tháng 1/2026.

b) Tiến độ chi tiết:

Nhà thầu lập tiến độ chi tiết gói với đầy đủ các công việc theo hai giai đoạn dưới đây:

- Giai đoạn 1: Lập hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu giảm tải đến 15.000 DWT và Hồ sơ phương án bảo đảm an toàn hàng hải: Thời gian 60 ngày.
- Giai đoạn 2: Trình, thẩm định, phê duyệt “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”: Thời gian 30 ngày.

2. Hồ sơ:

2.1. Hồ sơ chào thầu kỹ thuật:

- Nhà thầu cần cung cấp các hồ sơ, tài liệu dưới đây để Vietsovpetro có cơ sở đánh giá kỹ thuật:

+ Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhà thầu, bảng thống kê các công trình đã thực hiện liên quan đến gói thầu, các hồ sơ, tài liệu chứng minh các công trình đã thực hiện;

+ Đề cương nhiệm vụ đối với công tác lập Hồ sơ đề nghị phê duyệt “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”;

+ Quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công việc;

+ Sơ đồ tổ chức thực hiện công việc kèm theo hồ sơ của các nhân sự chủ chốt như Hợp đồng lao động, bằng cấp, chứng chỉ, sơ yếu lý lịch;

+ Tiến độ chi tiết cấp 4;

2.2. Hồ sơ hoàn thành:

STT	Tên tài liệu	Hình thức	Số lượng
1	Hồ sơ khảo sát hiện trạng các cầu cảng số 1, số 2;	Đóng quyền trong cặp file 4 còng	6 bộ gốc



2	Báo cáo kết quả kiểm định đánh giá khả năng các cầu cảng số 1, số 2 thuộc Bến cảng Vietsovpetro tiếp nhận tàu trọng tải đến 15.000 DWT giảm tải..	Đóng quyền trong cặp file 4 cồng	6 bộ gốc
3	Hồ sơ kiểm toán khả năng tiếp nhận tàu trọng tải đến 15.000 DWT giảm tải với các nội dung chính	Đóng quyền trong cặp file 4 cồng	6 bộ gốc
4	Hồ sơ “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”	Đóng quyền	6 bộ gốc
5	File điện tử báo cáo, bản vẽ, số liệu thô thu thập tại hiện trường bao gồm định dạng file gốc (Word, Excel, AutoCad...) và bản scan file các báo, file hồ sơ nghiệm thu có đầy đủ chữ ký của nhà thầu và Vietsovpetro.	Lưu trong USB hoặc ổ cứng	2 bộ

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm nhà thầu:

- Nhà thầu đã hoàn thành ít nhất 01 gói thầu về: Lập, trình, thẩm định và phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố cảng trong 5 năm gần đây (Từ 2021)

Ghi chú:

- Nhà thầu phải cung cấp các hồ sơ sau để chứng minh: Bản chụp hợp đồng tư vấn, biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của chủ đầu tư (các tài liệu có thể hiện cấp công trình).

2. Yêu cầu về năng lực nhân sự:

a) Chủ nhiệm dự án:

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên, thuộc một trong các chuyên ngành; kết cấu xây dựng; xây dựng công trình thủy; xây dựng cảng, đường thủy; xây dựng cầu đường;
- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông từ hạng II trở lên;
- Đã đảm nhiệm các chức danh chủ nhiệm thiết kế/chủ trì kiểm định ít nhất 01 công trình cầu cảng, bến cảng từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu cảng, bến cảng từ cấp III trở lên.

b) Các nhân sự khác:

- Huy động ít nhất 4 nhân sự với Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kết cấu xây dựng; xây dựng công trình thủy ; xây dựng cảng, đường thủy; quản lý hàng hải; kỹ thuật an toàn hàng hải;
- Đã tham gia thiết kế/kiểm định, lập hồ sơ bổ sung công năng/công bố cảng biển ít nhất 01 công trình cảng biển.

Ghi chú:

- Yêu cầu có bản chụp các hồ sơ/ tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm (các tài liệu/hồ sơ phải thể hiện nhân sự kê khai đã đảm nhận vị trí theo yêu cầu; ví dụ: Quyết định phân công nhân sự,...);
- Bản chụp: bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hoặc sau đại học, chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Phối hợp cung cấp Hồ sơ, tài liệu liên quan đến gói thầu cho Nhà thầu ;
- Cung cấp, bàn giao số liệu, vị trí của các mốc khống chế tọa độ, cao độ trong khu vực bến cảng Vietsovpetro cho nhà thầu; - Tài liệu Vietsovpetro cung cấp:
 - + Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình trạng kỹ thuật Bến cảng Vietsovpetro năm 2025;
 - + Báo cáo kiểm định chất lượng công trình Bến cảng Vietsovpetro năm 2022;
 - + Hồ sơ hoàn công thi công các đường trượt số 1, số 2 trong khu vực cầu cảng số 1, số 2.



TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

Gói thầu: “Tur vấn lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000 DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”

STT	Các tiêu chí	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	15		11
1.1	Đã thực hiện gói thầu Lập, trình, thẩm định và phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố cảng trong 5 năm gần nhất (Từ 2021 đến nay)	15		
	≥ 3 hợp đồng		15	
	2 hợp đồng		10	
	1 Hợp đồng		8	
	0 hợp đồng		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		
2.1	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện.		5	
2.2	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 50% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện.		3	
3	Giải pháp và Phương pháp luận	30		21
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu:	7		
	Nhà thầu chào đầy đủ theo phạm vi công việc, nội dung và khối lượng công việc.			
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận:	10		
	Hồ sơ Đề cương nhiệm vụ đối với công tác lập Hồ sơ đề nghị phê duyệt “Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải 15.000DWT giảm tải vào, rời cầu cảng số 1, số 2 Bến cảng Vietsovpetro”: Với đầy đủ các nội dung như quy định tại mục 2, khoản 2 Yêu cầu kỹ thuật. Trong đó các nội dung trong Đề cương cần trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.			
3.3	Sáng kiến cải tiến:	1		



	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án.			
3.4	Cách trình bày đề xuất:	2		
	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi.			
3.5	Kế hoạch triển khai, tiến độ thực hiện công việc:	5		
	Có bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc, từng giai đoạn đáp ứng tiến độ quy định tại mục III - tài liệu Yêu cầu kỹ thuật. Trình tự và thời gian thực hiện công việc trong bảng tiến độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.			
3.6	Sơ đồ tổ chức nhân sự thực hiện công việc với đầy đủ các vị trí chủ chốt, đầy đủ các bộ phận theo chuyên môn đáp ứng yêu cầu Kỹ thuật, trong sơ đồ chỉ ra được sự phối hợp thực hiện công việc giữa nhà thầu và Chủ đầu tư.	5		
4	Nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu	50		35
4.1	Chủ nhiệm Dự án	30		
4.1.1	Có trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ hành nghề đáp ứng các yêu cầu qui định tại điểm a, khoản 2, mục IV - Yêu cầu kỹ thuật.		26	
4.1.2	Ngoài số lượng công trình Đã đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế/chủ trì kiểm định theo YCKT, thì có thêm 01 công trình cầu cảng, bến cảng từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu cảng, bến cảng từ cấp III trở lên sẽ được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không được cộng quá 4 điểm.		0-4	
4.2	Các nhân sự khác: Huy động đầy đủ các nhân sự khác tham gia thực hiện gói thầu đáp ứng cầu qui định tại điểm b, khoản 2, mục IV - Tài liệu YCKT.	20		
4.2.1	Huy động đủ 4 nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng các yêu cầu qui định tại điểm b, khoản 2, mục IV - Tài liệu YCKT.		20	
Tổng điểm đánh giá		100		75

- Các Hồ sơ dự thầu được đánh giá là "Đạt yêu cầu" về mặt kỹ thuật khi đáp ứng đồng thời 2 điều kiện:
 - + Có tổng số điểm từ 75 điểm trở lên.
 - + Tại các mục có qui định về số điểm tối thiểu thì số điểm của từng mục này không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu tương ứng.



